

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ LONG XUYỀN
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 43/2025/HNGĐ-ST
Ngày 08 tháng 4 năm 2025
“V/v tranh chấp về hôn nhân và
gia đình, ly hôn”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYỀN, TỈNH AN GIANG

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phí Thị Phương Nhung.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Ngọc Nguyên, bà Đặng Thị Mỹ Hường.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Lý Ngọc Dung, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:* Bà Tạ Kim Oanh, Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 4 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 664/2024/TLST-HN&GD ngày 18 tháng 11 năm 2024 về việc: “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 64/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 02 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số: 102/2025/QĐST-HNGĐ ngày 17 tháng 3 năm 2025, giữa:

Nguyên đơn: Bà Trần Thị Tố L, sinh năm 1992; địa chỉ: số A, tổ E, ấp M, xã T, huyện C, tỉnh An Giang; (vắng mặt và có yêu cầu xét xử vắng mặt).

Bị đơn: Ông Võ Hoàng V, sinh năm 1987; địa chỉ: số B, khóm M, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang; (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Trần Thị Tố L (sau đây gọi tắt là nguyên đơn hoặc bà L) trình bày: Năm 2010, bà với ông Võ Hoàng V quen biết, tự nguyện tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường M vào năm 2017 theo Trích lục kết hôn số 175/TLKH-BS ngày 22-8-2017. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến cuối năm 2023, phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, tính tình không hợp, ông V có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, bà với ông V đã không còn sống chung với nhau từ cuối năm 2023 cho đến nay. Hiện nay, bà với ông V đều có cuộc sống riêng, không ai quan tâm đến ai, tình cảm vợ chồng với

nhau đã không còn nên không thể hàn gắn để quay lại chung sống nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Võ Hoàng V.

- Về con chung, cấp dưỡng: Quá trình chung sống, bà với ông V có một con chung tên Võ Hoàng A, sinh ngày 09-10-2017, hiện đang sinh sống cùng với bà; khi ly hôn bà yêu cầu được tiếp tục nuôi dạy con chung Võ Hoàng A, không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp để chứng minh cho ý kiến, yêu cầu khởi kiện là: Đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 06-11-2024 (bản chính); trích lục kết hôn Trần Thị Tố L - Võ Hoàng V (bản sao); trích lục khai sinh Võ Hoàng A (bản sao).

Bị đơn ông Võ Hoàng V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để làm việc, ghi nhận ý kiến nhưng vắng mặt không lý do.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 48, Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án tại phiên tòa: Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 về xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng: Người tham gia tố tụng cơ bản đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật tại các Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự; riêng, bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn vắng mặt và có yêu cầu xét xử vắng mặt; bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

Về giải quyết vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 9, 51, 53, 56, 57, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014: chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà L đối với ông V; giao con chung Võ Hoàng A, sinh ngày 09-10-2017 cho bà L được tiếp tục nuôi dạy, bà L không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con nên đề nghị không xem xét; về tài sản chung, nợ chung, bà L, ông V không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét đến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Bà Trần Thị Tố L khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Võ Hoàng V; ông V có nơi cư trú trên địa bàn thành phố L, tỉnh An Giang. Xét đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên

theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Trước khi phiên tòa được mở, bà L có yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt và vắng mặt tại phiên tòa; ông V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do. Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà L, ông V.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Tố L và ông Võ Hoàng V chung sống và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường M, thành phố L theo Trích lục kết hôn số 175/TLKH-BS ngày 22-8-2017 nên là hôn nhân hợp pháp làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng.

Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định:

“Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình.

Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác”.

Quá trình giải quyết, bà L xác định không còn tình cảm với ông V, vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng và không thể hàn gắn nên yêu cầu ly hôn. Ông V vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết, không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu của bà L về tranh chấp ly hôn; không cung cấp, giao nộp chứng cứ. Tại phiên tòa, ông V tiếp tục vắng mặt không lý do, thể hiện ông V không có thiện chí hòa giải hàn gắn tình cảm vợ chồng, chứng tỏ tình trạng hôn nhân của bà L và ông V đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu tiếp tục duy trì sẽ không đem lại hạnh phúc cho cả hai. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà L đối với ông V.

[4] Về con chung, cấp dưỡng: Quá trình chung sống, bà L với ông V có một con chung là Võ Hoàng A, sinh ngày 09-10-2017 hiện đang sống cùng bà L. Quá trình giải quyết, ông V không có ý kiến đối với yêu cầu của bà L về việc yêu cầu được tiếp tục nuôi dạy con chung. Do đó, để ổn định cuộc sống và đảm bảo cho con chung phát triển tốt về mọi mặt khi bà L và ông V ly hôn, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà L, bà L được tiếp tục nuôi dạy con chung Võ Hoàng A.

Bà L cùng các thành viên gia đình không được cản trở ông V trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Trường hợp ông V lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì bà L có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của ông V.

Trên cơ sở lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc người thân thích khác của con, cơ quan có thẩm quyền; Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con, cha mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con, đây là quyền lợi của con chưa thành niên. Tuy nhiên, bà L là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu A sau khi ly hôn, không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ông V không có văn bản trình bày ý kiến về tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết. Đương sự có tranh chấp, khởi kiện vụ kiện khác theo quy định.

[6] Về án phí sơ thẩm: Bà L phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Ông V không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 147, Điều 271, Điều 273, Điều 278 và Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Tố L.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Tố L được ly hôn ông Võ Hoàng V.

- Về con chung, cấp dưỡng: Bà Trần Thị Tố L được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Võ Hoàng A, sinh ngày 09-10-2017; ông Võ Hoàng V không cấp dưỡng nuôi con chung do bà L không yêu cầu.

Bà Trần Thị Tố L cùng các thành viên gia đình không được cản trở bà ông Võ Hoàng V trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Trường hợp ông V lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì bà L có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của ông V.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

2. Về án phí sơ thẩm:

Bà Trần Thị Tố L phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí hôn nhân sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0001873 ngày 18 tháng 11 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang; bà L đã nộp đủ án phí.

Ông Võ Hoàng V không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tham gia phiên toà có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND thành phố Long Xuyên;
- Chi cục THADS thành phố Long Xuyên;
- UBND phường Mỹ Phước, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phí Thị Phương Nhung